

Số: 250/KH-UBND

Cần Thơ, ngày 05 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH
Phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thành ủy Cần Thơ về xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh, giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thành ủy Cần Thơ về chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Thành ủy Cần Thơ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Kế hoạch phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030 được xây dựng nhằm triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 khai phá tiềm năng của dữ liệu để phục vụ tốt hơn cho hoạt động của các cơ quan chính quyền thành phố, cung cấp dịch vụ thân thiện và hiệu quả hơn cho người dân, tăng năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số một cách toàn diện và bền

vững, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thành ủy Cần Thơ về chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

a) Kế hoạch phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với tầm nhìn và Chiến lược dữ liệu quốc gia; tuân thủ đầy đủ các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương về quản lý và phát triển dữ liệu số gắn với thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

b) Đảm bảo tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố Cần Thơ, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh; đáp ứng yêu cầu, lộ trình triển khai Đề án Chuyển đổi số thành phố giai đoạn 2025 - 2030 và Đề án Xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

c) Dữ liệu số phải gắn kết chặt chẽ, xuyên suốt trong mọi hoạt động của cơ quan nhà nước và phát triển văn hóa dữ liệu. Việc xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu gắn với trách nhiệm cao nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị, cá nhân tuân thủ mô hình, nguyên tắc quản trị dữ liệu; đảm bảo thống nhất về mô hình kiến trúc dữ liệu, kết nối, liên thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu; đặc tả đầy đủ thông tin dữ liệu, tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn dữ liệu; đảm bảo hạ tầng truyền dẫn, tính toán, lưu trữ và xử lý đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng dữ liệu.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu thành phố có khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Trung tâm dữ liệu vùng, Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) 100% hệ thống thông tin của sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) thành phố và liên thông với các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

2. Phát triển dữ liệu phục vụ Chính quyền số

a) 100% các cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố được tổ chức, quản lý tại Kho dữ liệu của thành phố và đưa vào sử dụng hiệu quả; sẵn sàng kết nối, chia sẻ

với kho dữ liệu tổng hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn quốc;

b) Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành, địa phương có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố;

c) 100% các sở, ban, ngành, địa phương thiết lập được bộ phận phụ trách về dữ liệu; 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc bộ phận được tập huấn chuyên môn, nâng cao kỹ năng về phát triển dữ liệu số;

d) 100% các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển dữ liệu (bao gồm Danh mục cơ sở dữ liệu ngành, địa phương), các hoạt động quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;

đ) 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.

3. Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số

a) 100% các sở, ban, ngành, địa phương triển khai cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác, sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số theo lộ trình được xác định tại Quyết định ban hành danh mục Dữ liệu mở của thành phố và các quy định khác tại Mục 3. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;

b) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP (thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm “One Commune One Product”) đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử;

c) Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng;

d) Mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử phục vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh;

đ) Mỗi học sinh có học bạ điện tử để quản lý, theo dõi việc dạy và học, giao tiếp giữa nhà trường và gia đình học sinh;

e) 90% các di sản văn hóa, hiện vật bảo tàng được số hoá, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các địa điểm du lịch trong thành phố được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ rộng rãi, kết hợp ứng dụng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch;

g) Chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội;

h) 100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp;

i) 100% kho học liệu ngành Giáo dục (sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy tại các cấp học, ngành học) được số hóa, chia sẻ, cung cấp rộng rãi dưới dạng dữ liệu mở;

k) 100% dữ liệu hệ thống thông tin địa lý (GIS) ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước theo quy định;

l) 100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường;

m) 100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng, logistics và phương tiện giao thông được số hóa, cập nhật kịp thời, đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và logistics.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

100% các cơ sở dữ liệu tích hợp tại Kho dữ liệu thành phố được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

(Chi tiết Phân công triển khai mục tiêu tại Phụ lục I)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

a) Các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về dữ liệu; trong đó nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của dữ liệu là nguồn tài nguyên quan trọng có giá trị cao, là hạ tầng kiến tạo phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; dữ liệu càng được chia sẻ, khai thác càng tạo ra giá trị;

b) Phát triển tầm nhìn dài hạn về dữ liệu trong cơ quan, đơn vị, địa phương; hoạt động về quản lý dữ liệu phải được lập kế hoạch, xây dựng, lưu trữ, đánh giá chất lượng, kiểm kê, sử dụng, chia sẻ; đưa dữ liệu trở thành thành phần cốt lõi không thể tách rời trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và ra quyết định của cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về quản trị dữ liệu trong phạm vi ngành, địa bàn mình phụ trách. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đối với xây dựng dữ liệu; trong đó phân công một cán bộ phụ trách về dữ liệu đóng vai trò tham mưu, tổ chức và thực thi quản lý dữ liệu số, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức trong việc tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu số do mình phụ trách.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách

a) Ban hành Danh mục dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, của địa phương; rà soát, sửa đổi (nếu có) theo định kỳ; dữ liệu mở đã công bố tại Cổng dữ liệu thành phố theo danh mục phải được cập nhật hoặc bổ sung (nếu có) cho các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số;

b) Ban hành Danh mục dữ liệu của ngành, địa phương; rà soát, sửa đổi (nếu có) định kỳ; ban hành Kế hoạch phát triển dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành, địa phương; ban hành Kế hoạch kiểm tra, đánh giá và duy trì dữ liệu; tập trung rà soát, kiểm kê, đánh giá chất lượng dữ liệu chuyên ngành hiện có;

c) Rà soát, cập nhật Quy chế quản lý chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành; Quy chế, quy định quản lý, vận hành các hệ thống thông tin; Quy trình quản lý dữ liệu toàn diện;

d) Rà soát, chuẩn hóa và công bố danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) thành phố;

đ) Nghiên cứu, đề xuất chính sách thúc đẩy, khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng và tạo lập dữ liệu, đóng góp vào tài nguyên dữ liệu thành phố;

e) Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật chung về kinh phí vận hành duy trì, chi phí phục vụ kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, chia sẻ dữ liệu qua các nền tảng,... để bảo đảm có nguồn lực quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin mạng;

g) Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin phục vụ công tác phát triển, vận hành, khai thác các hệ thống cơ sở dữ liệu của thành phố.

3. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng

a) Triển khai đề án tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức về dữ liệu số và tổ chức các khóa học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để bồi dưỡng kỹ năng đại trà cho người dân kiến thức cơ bản về sử dụng và quản lý dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu; bồi dưỡng kiến thức làm việc với dữ liệu và khai thác dữ liệu, giúp người dân tham gia và có kỹ năng, đảm bảo phát triển dữ liệu có chất lượng;

b) Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách về dữ liệu của các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước; xây dựng các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ về quản trị, phân tích, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu để thông qua các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ chuyên gia về dữ liệu tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng phát triển dữ liệu cho các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp;

c) Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập thường niên về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu.

4. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng Trung tâm dữ liệu theo mô hình điện toán đám mây kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ; đồng thời kết nối với đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số để đảm bảo việc lưu trữ, liên thông chia sẻ dữ liệu sử dụng chung của các bộ, ngành Trung ương và địa phương;

b) Hoàn thiện một số nền tảng dùng chung thành phố như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), Công dữ liệu thành phố, Kho dữ liệu dùng chung thành phố, nền tảng quy hoạch không gian thành phố (SPP);

c) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quan trắc tài nguyên, môi trường.

5. Phát triển dữ liệu số

a) Thu thập, hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu

chuyên ngành phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước. Trong giai đoạn đến năm 2030, các sở, ban, ngành tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo nội dung tại Phụ lục III;

b) Xây dựng, cung cấp dữ liệu cho các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu để lưu trữ tập trung phục vụ việc phân tích, thống kê dữ liệu đa chiều hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội của thành phố;

c) Tăng cường tích hợp, tạo lập, cung cấp các bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu thành phố, phát triển nguồn dữ liệu lớn và xây dựng hồ sơ dữ liệu;

d) Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính hình thành kho dữ liệu tổ chức, cá nhân; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thành phố.

6. Phát triển dữ liệu chủ

a) Nhóm dữ liệu chủ về con người

- Bao gồm tất cả các dữ liệu để định danh và mô tả các hoạt động liên quan đến người dân (sinh sống, lưu trú, học tập, làm việc, di chuyển, sức khỏe,...). Đây là nhóm dữ liệu quan trọng, có nhu cầu sử dụng cao, cần được ưu tiên triển khai nhằm phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của các cơ quan nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ người dân;

- Dữ liệu con người được thiết lập từ các Cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu về dân cư, căn cước, căn cước công dân; cán bộ, công chức, viên chức; hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hộ tịch, tư pháp; hồ sơ sức khỏe, bệnh án điện tử; giáo dục, học bạ điện tử, văn bằng chứng chỉ; giấy phép lái xe; thông tin lưu trú, du lịch; lao động, việc làm; bảo hiểm; an sinh xã hội...;

- Các cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền chủ quản các dữ liệu liên quan đến con người có trách nhiệm tạo lập, xây dựng, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung thành phố để hình thành dữ liệu chủ về con người; làm giàu thông tin hồ sơ cá nhân dựa trên dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ triển khai các tiện ích, dịch vụ thông minh cho người dân; góp phần triển khai thành công các nhiệm vụ tại Đề án 06.

b) Nhóm dữ liệu chủ về doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể

- Bao gồm tất cả các dữ liệu để định danh và mô tả các hoạt động liên quan đến doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể như:

+ Thông tin đăng ký doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể (bao gồm đăng ký mới, thay đổi thông tin, giải thể, tạm ngừng hoạt động,...);

+ Thông tin về tình hình hoạt động (doanh thu, lợi nhuận, số lượng lao động, sản phẩm, năng lực sản xuất, nộp thuế, bảo hiểm,...);

+ Thông tin về các loại giấy phép chuyên ngành liên quan đến hoạt động doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể (tài nguyên, môi trường, xây dựng, lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm,...);

+ Thông tin về khen thưởng, xử lý vi phạm hành chính.

- Các cơ quan được UBND thành phố ủy quyền chủ quản các dữ liệu liên quan đến nhóm doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể có trách nhiệm tạo lập, xây dựng, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung thành phố để hình thành dữ liệu chủ về doanh nghiệp - hộ kinh doanh cá thể; phục vụ công tác quản lý và phát triển doanh nghiệp.

c) Nhóm dữ liệu chủ về đất đai - đô thị

- Nhóm dữ liệu chủ về đất đai - đô thị bao gồm tất cả dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu: tài nguyên - môi trường, quy hoạch - kiến trúc, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, vệ sinh môi trường đô thị,...), hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, du lịch,...);

- Các cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền chủ quản các dữ liệu liên quan đến nhóm đất đai - đô thị cá thể có trách nhiệm tạo lập, xây dựng, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung thành phố để hình thành dữ liệu chủ về đất đai - đô thị.

d) Nhóm dữ liệu chủ về chỉ tiêu điều hành kinh tế - xã hội

- Nhóm dữ liệu chủ về chỉ tiêu điều hành kinh tế - xã hội nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành, dự báo, quy hoạch, xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội thành phố;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Bộ chỉ tiêu KPI phục vụ điều hành kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Dựa trên Bộ chỉ tiêu KPI được ban hành, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm thu thập, tạo lập, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung thành phố để tổng hợp, phân tích, xây dựng các Dashboard giám sát, điều hành trên Trung tâm IOC thành phố.

7. Khai thác dữ liệu

a) Kế thừa, sử dụng dữ liệu số để đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia các thủ tục hành chính (đối với các thủ tục không cần thực hiện xác minh, kiểm tra thực tế);

b) Khai thác dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối,...) để chuyển phương thức hoạt động của các cơ quan thành phố từ môi trường truyền thống sang môi trường số, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cắt giảm các hoạt động thủ công, giấy tờ (văn thư, lưu trữ, tìm kiếm, tổng hợp, thống kê, báo cáo, hội họp,...) và thay bằng các hệ thống thông tin, xử lý trên dữ liệu số, nâng cao năng lực, hiệu suất làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, hiệu quả hoạt động của các cơ quan thành phố;

c) Khai thác dữ liệu số để thực hiện các hoạt động giám sát, kiểm tra trực tuyến của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý thông qua hệ thống thông tin của cơ quan quản lý nhà nước và đối tượng quản lý;

d) Phân tích dữ liệu, xây dựng các biểu đồ giám sát trên Trung tâm IOC và các hệ thống thông tin, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cơ quan thành phố;

đ) Nghiên cứu xây dựng, tạo lập tài nguyên dữ liệu mẫu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo, bao gồm thu thập các bộ dữ liệu điển hình phục vụ cho máy học (mẫu giọng nói, mẫu hình ảnh viết tay, hình người, đồ vật, sự kiện,...), tập hợp các dữ liệu cơ bản, cần thiết khác để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển các thuật toán và nền tảng học máy, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số;

e) Khai thác dữ liệu số, phát triển các nền tảng số để người dân tham gia vào các hoạt động chuyển đổi số của thành phố (góp ý, phản ánh; hiến kế, đề xuất chính sách; góp ý quá trình hoạch định chính sách; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước; theo dõi các cơ quan thành phố xử lý các kiến nghị của người dân, cử tri,...), từ đó hình thành công dân số, xã hội số và phát triển kinh tế số.

8. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyển đổi số, bao gồm từ đánh giá kết quả triển khai dữ liệu mở, cho đến mức độ hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu,...;

b) Định kỳ hằng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về mức độ phát triển dữ liệu, kết quả thực hiện Kế hoạch của các sở, ban, ngành, địa phương.

(Chi tiết Phân công triển khai nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục II)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách thành phố để thực hiện các nhiệm vụ phát triển dữ liệu số, nền tảng số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

3. Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là cơ quan đầu mối, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, thực hiện vai trò quản lý hạ tầng, giám sát, thực thi việc chia sẻ dữ liệu;

b) Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch và phối hợp với các đơn vị, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (đối với vốn chi thường xuyên) tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí thực hiện Kế hoạch Phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở ngành liên quan tham mưu tuyển dụng hoặc đề xuất cơ chế thuê chuyên gia chuyên về dữ liệu phục vụ cho thành phố phù hợp theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện

a) Chủ động, tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, lộ trình đề ra. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện chia sẻ dữ liệu liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông;

b) Trên cơ sở nội dung Kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng dự toán kinh phí triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định; đồng thời chủ động huy động các nguồn kinh phí khác (ODA, xã hội hóa,..) và lồng ghép trong các nguồn kinh phí dự án, đề án khác để thực hiện nhiệm vụ;

c) Tích cực triển khai các chương trình, dự án phát triển hạ tầng dữ liệu số, đảm bảo tuân thủ theo Khung Kiến trúc, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định, hướng dẫn của Trung ương và thành phố, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư dự án;

d) Định kỳ **trước ngày 10 tháng 12 hàng năm** báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

5. Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn thành phố

a) Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chuyên môn cao về xây dựng, phát triển dữ liệu;

b) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong quản lý, phát triển dữ liệu trong các ngành lĩnh vực, sẵn sàng tham vấn, triển khai các giải pháp phát triển dữ liệu;

c) Nâng cao năng lực dạy và học, hợp tác nghiên cứu và kết nối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ thúc đẩy phát triển dữ liệu.

6. Thành Đoàn Cần Thơ

a) Tuyên truyền, hướng dẫn về chuyển đổi số tập trung vào dữ liệu cho toàn thể đoàn viên, thanh niên;

b) Triển khai đến Đoàn thanh niên cơ sở để tuyên truyền về chuyển đổi số tập trung vào dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn; đồng thời hướng dẫn sử dụng các tiện ích, chức năng các ứng dụng cụ thể.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ, Báo Cần Thơ, Cổng Thông tin điện tử thành phố và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn thành phố

a) Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số tập trung vào dữ liệu thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình;

b) Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số tập trung vào dữ liệu.

8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn

a) Tham gia là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng xây dựng, phát triển dữ liệu trong chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này;

b) Chủ động, đi đầu trong thực hiện xây dựng, phát triển dữ liệu trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

9. Đề nghị các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội trên địa bàn thành phố

a) Căn cứ định hướng trong Kế hoạch này, các doanh nghiệp chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu trong doanh nghiệp; kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu với Kho dữ liệu của thành phố;

b) Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tập trung vào dữ liệu; tích cực sử dụng và khai thác các dịch vụ, công nghệ số trong quá trình tham gia thực hiện các thủ tục hành chính, các hoạt động xã hội.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển dữ liệu thành phố Cần Thơ đến năm 2030; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (đề b/c);
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, PCTUBND TP (1ABD);
- UB. MTTQVN và các Đoàn thể TP;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Đài PT&TH TPCT;
- Báo Cần Thơ;
- VP UBND TP (2ACD,3ABC,4,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.NNH

H

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển



PHỤ LỤC I

PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát triển hạ tầng dữ liệu				
1.1	Trung tâm dữ liệu thành phố có khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Trung tâm dữ liệu vùng, Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành	2025-2030	
1.2	100% hệ thống thông tin của sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) thành phố và liên thông với các Bộ ngành theo quy định.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
2	Phát triển dữ liệu phục vụ Chính quyền số				
2.1	100% các cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố được tổ chức, quản lý tại Kho dữ liệu của thành phố và đưa vào sử dụng hiệu quả; sẵn sàng kết nối, chia sẻ với kho dữ liệu tổng hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn quốc.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
2.2	Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành, địa phương có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	

STT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	100% yêu cầu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố.				
2.3	100% các sở, ban, ngành, địa phương thiết lập được bộ phận phụ trách về dữ liệu; 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc bộ phận được tập huấn chuyên môn, nâng cao kỹ năng về phát triển dữ liệu số.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
2.4	100% các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển dữ liệu	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
2.5	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định.	Văn phòng UBND thành phố	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
3	Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số				
3.1	100% các sở, ban, ngành, địa phương triển khai cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
3.2	Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp. 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.3	Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng.	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận, huyện	2025-2030	

STT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.4	Mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử phục vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận, huyện	2025-2026	
3.5	Mỗi học sinh có học bạ điện tử để quản lý, theo dõi việc dạy và học, giao tiếp giữa nhà trường và gia đình học sinh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận, huyện	2025-2026	
3.6	90% các di sản văn hóa, hiện vật bảo tàng được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số; 100% các địa điểm du lịch trong thành phố được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ rộng rãi, kết hợp ứng dụng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch.	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.7	Chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.8	100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.9	100% kho học liệu ngành Giáo dục (sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy tại các cấp học, ngành học) được số hóa, chia sẻ, cung cấp rộng rãi dưới dạng dữ liệu mở.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	

STT	Mục tiêu, Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.10	100% dữ liệu hệ thống thông tin địa lý (GIS) ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.11	100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo kết nối về sở Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.12	100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng, logistics và phương tiện giao thông được số hóa, cập nhật kịp thời, đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và logistics.	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
4	Bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu				
4.1	100% các cơ sở dữ liệu tích hợp tại Kho dữ liệu thành phố được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	



PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM				
1	Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức				
1.1	Các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về dữ liệu; trong đó nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của dữ liệu là nguồn tài nguyên quan trọng có giá trị cao, là hạ tầng kiến tạo phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; dữ liệu càng được chia sẻ, khai thác càng tạo ra giá trị.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	
1.2	Phát triển tầm nhìn dài hạn về dữ liệu trong cơ quan, đơn vị, địa phương; hoạt động về quản lý dữ liệu phải được lập kế hoạch, xây dựng, lưu trữ, đánh giá chất lượng, kiểm kê, sử dụng, chia sẻ; đưa dữ liệu trở thành thành phần cốt lõi không thể tách rời trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và ra quyết định của cơ quan, đơn vị, địa phương.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	
1.3	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về quản trị dữ liệu trong phạm vi ngành, địa bàn mình phụ trách. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đối với xây dựng dữ liệu; trong đó phân công một cán bộ phụ trách về dữ liệu đóng vai trò tham mưu, tổ chức và thực thi quản lý dữ liệu số, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	chức trong việc tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu số do mình phụ trách.				
2	Xây dựng cơ chế, chính sách				
2.1	Ban hành Danh mục dữ liệu mở	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025	
2.2	Ban hành Kế hoạch phát triển dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương (Bao gồm các danh mục dữ liệu)	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ	2025	
2.3	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, đánh giá và duy trì dữ liệu.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ	Hàng năm	
2.4	Rà soát, cập nhật Quy chế quản lý chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025	
2.5	Rà soát, xây dựng, cập nhật quy chế quản lý chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ	Thường xuyên	
2.6	Chuẩn hóa và công bố danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) thành phố.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025	
2.7	Nghiên cứu, đề xuất chính sách thúc đẩy, khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng và tạo lập dữ liệu, đóng góp vào tài nguyên dữ liệu thành phố.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ	2025-2030	
2.8	Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật chung về kinh phí vận hành duy trì, chi phí phục vụ kết nối, khai thác các cơ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính	2025-2030	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, chia sẻ dữ liệu qua các nền tảng,...				
2.9	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin phục vụ công tác phát triển, vận hành, khai thác các hệ thống cơ sở dữ liệu của thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	2025-2030	
3	Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng				
3.1	Xây dựng, tích hợp các khoá học về dữ liệu số trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
3.2	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về dữ liệu	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
3.3	Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập thường niên về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Hàng năm	
4	Phát triển hạ tầng dữ liệu				
4.1	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng Trung tâm dữ liệu theo mô hình điện toán đám mây kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
4.2	Nâng cấp, hoàn thiện một số nền tảng dùng chung thành phố như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), Cổng dữ liệu thành phố. Kho dữ liệu dùng chung thành phố, nền tảng quy hoạch không gian thành phố (SPP).	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4.3	Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
5	Phát triển dữ liệu số				
5.1	Thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. Phát triển nguồn dữ liệu lớn và xây dựng hồ dữ liệu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
5.2	Số hóa, thu thập, quản lý dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành, địa phương; tạo lập, cung cấp các bộ dữ liệu mở.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ	2025-2030	
5.3	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính hình thành kho dữ liệu tổ chức, cá nhân; thu thập, phát triển dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thành phố, các cấp, các ngành.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ	2025-2030	
6	Phát triển dữ liệu chủ				
6.1	Phát triển dữ liệu chủ về con người	Công an thành phố; Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện	2025-2030	
6.2	Phát triển dữ liệu chủ về doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế thành phố; Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện	2025-2030	
6.3	Phát triển dữ liệu chủ về hộ kinh doanh cá thể	UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Thuế thành phố	2025-2030	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6.4	Phát triển dữ liệu chủ về đất đai - đô thị	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện	2025-2030	
6.5	Phát triển dữ liệu chủ về chỉ tiêu điều hành kinh tế - xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện	2025-2030	
7	Khai thác dữ liệu				
7.1	Kế thừa, sử dụng dữ liệu số để đơn giản hóa thủ tục hành chính. Khai thác dữ liệu số, phát triển các nền tảng số để người dân tham gia vào các hoạt động chuyển đổi số của thành phố	Văn phòng UBND thành phố	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	
7.2	Khai thác dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối,...) để chuyển phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Thực hiện các hoạt động giám sát, kiểm tra thông qua hệ thống thông tin của cơ quan quản lý nhà nước.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
7.3	Phân tích dữ liệu, xây dựng các biểu đồ giám sát trên Trung tâm IOC và các hệ thống thông tin, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cơ quan thành phố.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	
7.4	Nghiên cứu xây dựng, tạo lập tài nguyên dữ liệu mẫu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo, tập hợp các dữ liệu cơ bản, cần thiết khác để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển các thuật toán và nền tảng học máy, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	2025-2030	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7.5	Khai thác dữ liệu số, phát triển các nền tảng số để người dân tham gia vào các hoạt động chuyển đổi số của thành phố	Sở, ban, ngành;	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND quận, huyện	2025-2030	
8	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai				
8.1	Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Hàng năm	
8.2	Định kỳ hằng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về mức độ phát triển dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện	Hàng năm	



PHỤ LỤC III PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 250KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Dữ liệu số ngành Tài nguyên và Môi trường

a) Kết nối mạng lưới thiết bị IOT về quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước; thiết lập nền tảng số thu thập dữ liệu quan trắc để thu thập dữ liệu bao gồm cả các thiết bị IOT của doanh nghiệp; áp dụng các công nghệ phân tích, xử lý dữ liệu IOT thông minh để giám sát, tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định về tài nguyên và môi trường.

b) Cung cấp dữ liệu quan trắc môi trường đối với chất lượng nước mặt, chất lượng nước dưới đất, xâm nhập mặn, khí thải, nước thải, khí tượng thủy văn dưới dạng dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

c) Thiết lập dữ liệu hạ tầng không gian địa lý thành phố tập trung và cung cấp các dịch vụ dữ liệu về bản đồ không gian địa lý cho các ngành, các lĩnh vực khai thác, sử dụng.

d) Phối hợp làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

đ) Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu địa chỉ số về đất đai và nhà ở, trên cơ sở tận dụng các hạ tầng, dữ liệu đã có.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khai thác cát.

g) Dữ liệu số khác của ngành Tài Nguyên và Môi trường.

2. Dữ liệu số ngành Y tế

a) Tổ chức thống kê, cập nhật thông tin, dữ liệu về y sĩ, bác sĩ; số hóa hạ tầng về y tế bao gồm: cơ sở khám chữa bệnh, dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, quy trình, phác đồ khám chữa bệnh, thuốc và giá thuốc... và cung cấp rộng rãi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu kết quả khám sức khỏe qua hạ tầng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện dịch vụ công cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

c) Xây dựng hệ thống tư vấn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.

d) Thúc đẩy triển khai giải pháp xây dựng nền tảng kết nối các thiết bị IoT y tế cá nhân với nền tảng theo dõi sức khỏe thông minh để tự động theo dõi sức khỏe, cảnh báo sức khỏe cho người dân.

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử và kết nối, chia sẻ về Kho dữ liệu thành phố.

e) Dữ liệu số khác của ngành Y tế.

3. Dữ liệu số ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Số hóa hạ tầng giáo dục thống nhất bao gồm: hệ thống trường học các cấp; các chuyên ngành đào tạo, hồ sơ giáo viên, học sinh.

b) Số hóa và quản lý thống nhất hệ thống văn bằng, chứng chỉ, chương trình đào tạo gắn với từng học viên, sử dụng làm cơ sở tham chiếu, sử dụng trong các hoạt động xã hội.

c) Số hóa hệ thống học liệu số, chương trình đào tạo, thư viện số.

d) Xây dựng hệ thống dữ liệu số về nhu cầu nhân lực đào tạo, nhu cầu việc làm để làm cơ sở hỗ trợ hoạt động giáo dục.

đ) Tiếp tục triển khai tốt việc nhập liệu và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo mà do Bộ GD&ĐT triển khai thực hiện toàn quốc. Bao gồm cơ sở dữ liệu về thông tin cơ sở cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và chương trình giáo dục thường xuyên. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quản lý ngành giáo dục; cơ sở dữ liệu tuyển sinh 10 trực tuyến; cơ sở dữ liệu văn bằng giáo dục trung học phổ thông.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng học tương tác thông minh và phòng học đa phương tiện.

g) Xây dựng Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh gắn với việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo.

h) Dữ liệu số khác của ngành Giáo dục và Đào tạo.

4. Dữ liệu số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Số hóa hình thành các cơ sở dữ liệu về vùng sản xuất nông nghiệp, đặc trưng thổ nhưỡng; sản phẩm nông nghiệp (cây trồng, vật nuôi, thủy sản); quy trình sản xuất.

b) Xây dựng nền tảng hệ tri thức về sản xuất nông nghiệp bao gồm: sản phẩm chiến lược có ưu thế cạnh tranh; thị trường tiêu thụ, kinh nghiệm sản xuất và tổ chức hỗ trợ chia sẻ từ người dân, doanh nghiệp; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận thị trường trong nước và thế giới; hỗ trợ sản xuất sản phẩm chất lượng, giảm thiệt hại do thiên tai và rủi ro thị trường gây ra.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về vùng sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) và cơ sở đóng gói.

d) Xây dựng phần mềm quản lý chuyên ngành/tạo lập và xây dựng cơ sở dữ liệu cho lĩnh vực chăn nuôi - thú y, quản lý các thông tin liên quan đến cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất và mua bán giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, cơ sở kinh doanh thuốc thú y.

đ) Tiếp tục triển khai tốt việc nhập liệu và khai thác Hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam - VAHIS

e) Tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu về hợp tác xã, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố

g) Tiếp tục triển khai tốt việc cập nhật dữ liệu về các nội dung quản lý của lĩnh vực thủy sản lên cơ sở dữ liệu thủy sản và kết nối, chia sẻ về kho dữ liệu chung thành phố.

h) Dữ liệu số khác của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Dữ liệu số ngành Giao thông vận tải

a) Số hóa toàn bộ mạng lưới hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, biển báo giao thông, điều hành giao thông thống nhất cả nước và thực hiện hoạt động quản lý nhà nước trên dữ liệu số; cung cấp dữ liệu số về hạ tầng giao thông rộng rãi dưới dạng dịch vụ dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng; Số hóa dữ liệu về tai nạn giao thông, điểm đen về tai nạn giao thông, các điểm ùn tắc giao thông, dữ liệu về vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông.

b) Thiết lập nền tảng thu thập và cung cấp dữ liệu số quan trắc tình hình giao thông tập trung thống nhất toàn quốc bao gồm: dữ liệu camera giao thông, thiết bị giám sát hành trình, thiết bị giám sát giao thông... và triển khai hoạt động phân tích thông minh dựa trên dữ liệu số để hỗ trợ xây dựng phương án điều hành giao thông tổng thể và ra quyết định.

c) Xây dựng hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ và trung tâm điều hành giao thông thông minh giúp điều hành giao thông dựa vào hình ảnh, dữ liệu số.

d) Phối hợp kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong xây dựng cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe, người điều khiển phương tiện đường bộ, cơ sở dữ liệu phương tiện, đăng kiểm phương tiện.

đ) Phối hợp triển khai 07 nhóm dữ liệu (Dữ liệu quy hoạch giao thông vận tải đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050; Dữ liệu giao thông vận tải tuyến cố định; dữ liệu giao thông đường bộ; Dữ liệu quy hoạch hệ thống cảng, bến thủy nội địa, bến khách, ngang sông; dữ liệu giao thông vận tải đường thủy nội địa; Dữ liệu quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng; dữ liệu mạng lưới vận tải hành khách công cộng) lên Nền tảng quy hoạch không gian SPP.

e) Dữ liệu số khác của ngành Giao thông vận tải.

6. Dữ liệu số ngành Công thương

a) Số hóa toàn bộ mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện; triển khai quản lý tài sản hạ tầng ngành điện trên dữ liệu số, sử dụng dữ liệu số để phát triển hệ thống mạng lưới điện thông minh (smart grid).

b) Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động điều tiết sản xuất và tiêu thụ điện.

c) Số hóa mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại.

d) Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quản lý chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi; cơ sở dữ liệu cửa hàng xăng dầu; cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp.

d) Tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu về thông tin sản xuất công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

e) Dữ liệu số khác của ngành Công thương.

7. Dữ liệu số ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng du lịch bao gồm: số liệu thống kê hoạt động du lịch, thông tin về doanh nghiệp du lịch; điểm đến du lịch, tuyến du lịch, sản phẩm, dịch vụ du lịch... để tạo hạ tầng dữ liệu số cơ bản dùng chung, Cổng du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động.

b) Xây dựng dữ liệu số về di sản văn hóa để cung cấp rộng rãi trên Internet hỗ trợ quảng bá văn hóa Việt Nam.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu số tại các thư viện trên địa bàn thành phố, cơ sở dữ liệu Quản lý hiện vật bảo tàng.

d) Dữ liệu số khác của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Dữ liệu số ngành Xây dựng

a) Số hóa toàn bộ hạ tầng không gian đô thị trên nền tảng quy hoạch không gian thành phố (SPP), cơ sở hạ tầng đô thị (điện, cấp nước, thoát nước, chất thải rắn, cây xanh,...); quy hoạch đô thị tạo thành hệ cơ sở dữ liệu đô thị cơ bản và chia sẻ cho các ứng dụng khai thác sử dụng

b) Kết nối dữ liệu, xây dựng dữ liệu thông minh, gắn kết để triển khai các giải pháp tự động hóa; thu thập dữ liệu quan trắc đô thị, dữ liệu giám sát đô thị và ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để hỗ trợ trong quản lý và điều hành đô thị.

c) Xây dựng, tích hợp, chia sẻ Cơ sở dữ liệu cấp phép xây dựng và quản lý sau cấp phép của ngành xây dựng; Cơ sở dữ liệu quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị; Cơ sở dữ liệu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Cơ sở dữ liệu chứng chỉ hoạt động xây dựng của tổ chức.

d) Phối hợp xây dựng Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

đ) Dữ liệu số khác của ngành Xây dựng.

9. Dữ liệu số ngành Nội vụ

a) Xây dựng Cơ sở dữ liệu về công tác quản lý thi đua, khen thưởng.

b) Phối hợp hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Xây dựng Kho lưu trữ điện tử lịch sử theo quy định hiện hành của pháp luật về lưu trữ.

d) Dữ liệu số khác của ngành Nội vụ.

10. Dữ liệu số ngành Tư pháp

a) Số hóa sổ hộ tịch theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp đến năm 2025.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu vi bằng.

c) Dữ liệu số khác của ngành Tư pháp.

11. Dữ liệu số ngành Kế hoạch và Đầu tư

a) Tích hợp cơ sở dữ liệu doanh nghiệp từ cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp quốc gia về Kho dữ liệu thành phố, xây dựng cơ sở dữ liệu giải đáp thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu kế hoạch vốn, dự án đầu tư công, các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách.

c) Dữ liệu số khác của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

12. Dữ liệu số ngành Tài chính

a) Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

b) Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài sản công (theo Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công), bao gồm: đất, nhà ở công sản; ô tô, kết cấu hạ tầng, tài sản cố định,...

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu giá tại địa phương, kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và tích hợp, chia sẻ về Kho dữ liệu dùng chung.

d) Dữ liệu số khác của ngành Tài chính.

13. Dữ liệu số ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Nhóm lĩnh vực An sinh xã hội: xây dựng Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội, Cơ sở dữ liệu người khuyết tật, Cơ sở dữ liệu người cao tuổi, Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội, Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, Cơ sở dữ liệu trẻ em, Cơ sở dữ liệu người cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy, Cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ; Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công.

b) Nhóm lĩnh vực Lao động - Việc làm: xây dựng Cơ sở dữ liệu người lao động, Cơ sở dữ liệu lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp, Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Nhóm lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: xây dựng Cơ sở dữ liệu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Cơ sở dữ liệu nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Cơ sở dữ liệu học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp

d) Nhóm cơ sở dữ liệu khác: Cơ sở dữ liệu báo cáo hành chính.

đ) Dữ liệu số khác của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

14. Dữ liệu số ngành Khoa học và Công nghệ

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu Khoa học Công nghệ; cơ sở dữ liệu Quản lý nghiên cứu khoa học, đề tài khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Số hóa, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công tác quản lý các hoạt động tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (Giấy phép, Chứng chỉ nhân viên bức xạ, giấy chứng nhận đào tạo nhân viên bức xạ,...).

c) Dữ liệu số khác của ngành Khoa học và Công nghệ.

15. Dữ liệu số ngành Thông tin và Truyền thông

a) Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung thành phố, Kho quản lý dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

b) Xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số dùng chung thành phố phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh như: Nền tảng điện toán đám mây, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung, Nền tảng giám sát dữ liệu trực tuyến, Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Quản lý văn bản và điều hành, Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC), Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng công dân số.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về doanh nghiệp CNTT - điện tử, bưu chính - viễn thông, các cơ quan báo đài.

d) Phối hợp xây dựng, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chuẩn hóa lại thông tin thuê bao.

đ) Dữ liệu số khác của ngành Thông tin và Truyền thông.

16. Dữ liệu số ngành Công an

a) Phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện việc kết nối liên thông, tích hợp hệ thống định danh và xác thực điện tử với hệ thống dịch vụ công và khai thác sử dụng, phát huy tối đa hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước, căn cước công dân, xuất nhập cảnh.

b) Phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện công tác bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu.

c) Phối hợp xây dựng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối, chia sẻ với kho dữ liệu tổng hợp phục vụ xây dựng Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

d) Dữ liệu số khác của ngành Công an.

17. Dữ liệu số ngành Ngoại vụ

a) Tập trung số hoá, phát triển dữ liệu liên quan quản lý các nội dung hợp tác ngoài nước.

b) Số hoá các nội dung quản lý thông tin đoàn vào, đoàn ra, các hoạt động đối ngoại khác.

c) Tạo lập, quản lý cơ sở dữ liệu liên quan đến dữ liệu bảo hộ công dân, dữ liệu quản lý đoàn vào đoàn ra, dữ liệu quản lý hội nghị hội thảo quốc tế, dữ liệu ký kết thỏa thuận quốc tế và kết nối, chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu chung của thành phố.

d) Dữ liệu số khác của ngành Ngoại vụ.

18. Dữ liệu số ngành Thanh tra

a) Tiếp tục cập nhật, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

b) Số hóa hồ sơ, dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức phục vụ quản lý, kiểm soát và phòng, chống tham nhũng sau khi Thanh tra Chính phủ hoàn thành việc triển khai, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia kiểm soát tài sản, thu nhập.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, quản lý tình hình thực hiện các kết luận thanh tra theo chỉ đạo, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

d) Dữ liệu số khác của ngành Thanh tra.